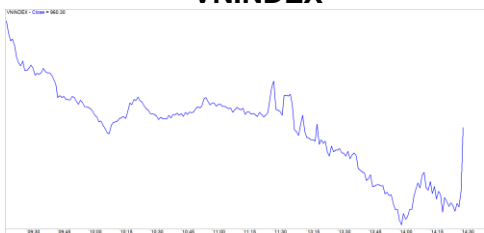


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	960.30	102.04	55.36
% ngày	-0.60%	-0.31%	-0.77%
% tuần	0.72%	0.96%	-0.31%
% tháng	-6.08%	-4.88%	-2.41%
% năm	0.46%	-4.47%	3.79%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,841	389	176
TB 1 tuần	4,393	293	176
TB 1 tháng	4,610	295	233
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	514.61	2.41	33.65
Bán	660.35	123.05	29.32
Giá trị ròng	-145.74	-120.64	4.33
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	115	48	167
Mã Giảm	178	64	97
Không Đổi	96	258	637
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.81	9.00	17.27
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,305	186	955
LS Cổ tức	1.76%	4.70%	4.13%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giảm điểm khá mạnh trong đó VN-Index có lúc giảm hơn 10 điểm. Kết thúc phiên ATC, VN-Index thu hẹp đà giảm còn hơn 5 điểm tương ứng 0.6% dừng tại 960.3 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 0.31% chốt tại 102.04 điểm trong khi Upcom cũng mất 0.77%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,500 tỷ đồng tăng nhẹ so với phiên liền trước.

MSN tiếp tục xu hướng giảm khi mất 6.4% đóng cửa tại 56,600 mức thấp nhất phiên cũng là đáy mới của MSN. Nhiều bluechip khác cũng giảm giá khá mạnh như TCB, VPB, MBB, SSI, DPM, GAS, SAB, HDB, NVL...đều giảm trên 1%. VHM là cổ phiếu ảnh hưởng tới VN-Index nhiều nhất khi giảm gần 4.7% trong phiên nhưng bất ngờ thu hẹp đà giảm chỉ còn 0.5% sau phiên ATC. Ở chiều tích cực, REE tăng 1% đóng cửa tại 36,600 với thanh khoản cải thiện. BVH cũng gây chú ý khi tăng 3% nhưng xu hướng trung hạn vẫn còn tiêu cực. TTB ghi nhận phiên hồi phục thứ 2 liên tiếp với mức tăng 5.1% chốt tại 5,740 đồng/cp. Nhóm Đầu cơ có dấu hiệu suy yếu khi chỉ vài mã giữ được phong độ như FIT(+7%), TSC(+6.8%) hay HAI(+3.3%).

Khối ngoại bán ròng 262 tỷ đồng tính chung cả ba sàn nhưng chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của NET với giá trị ròng 118 tỷ. Ngoài ra, MSN(68.7 tỷ), VHM(58.4 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, HPG(103.5 tỷ), VNM(13.8 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật và khả năng hướng về mức 975 điểm của chỉ số VN-Index vẫn còn cao. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và lực cầu giá thấp vẫn tích cực. Điểm tích cực chúng tôi đánh giá là áp lực giảm giá của MSN đang có dấu hiệu giảm khi đà giảm đang quá đà và mức độ biến động giá suy yếu. Tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ cho thấy sự thận trọng đã quay trở lại và chiến lược an toàn là nên hạn chế gia tăng tỷ trọng trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 974.05 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường và không nên bán ra ở nhịp giảm. Đồng thời, nếu các nhà đầu tư đã giải ngân trước đó thì tạm thời dừng gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu và vẫn có thể mua mới với tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị tối đa 33%.

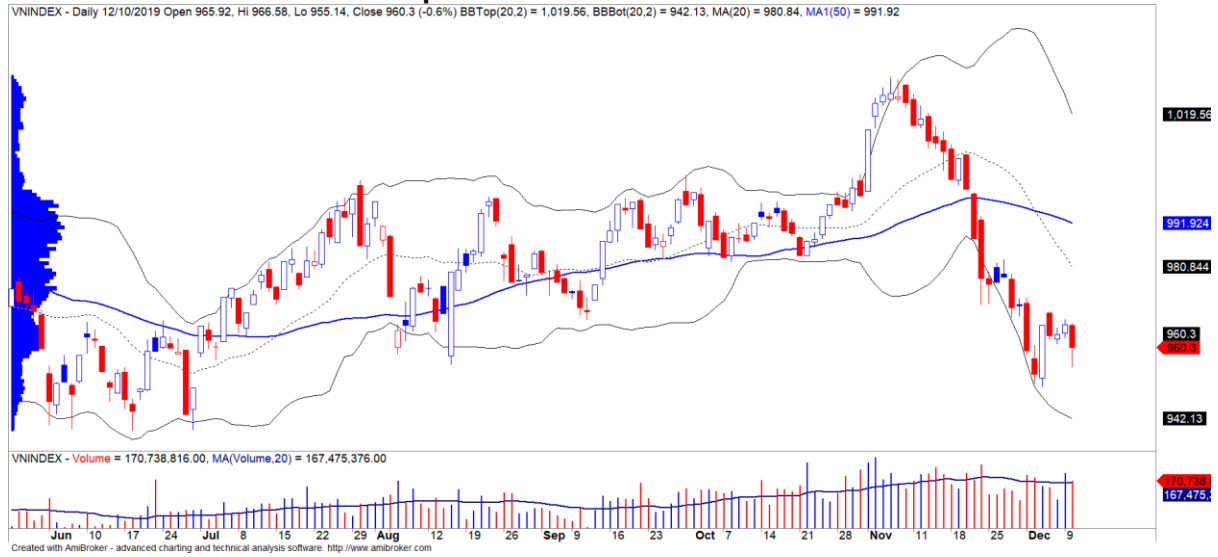
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 33% cổ phiếu/67% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.90	GIẢM	GIẢM		14.51				15.73		
ACB	22.80	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-5.00%	
ACV	75.30	TĂNG	GIẢM	74.00	72.27	1.76%			82.57		
ANV	21.65	GIẢM	GIẢM		23.18				27.17		
ASM	6.35	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BFC	12.60	GIẢM	GIẢM		14.62				16.14		
BID	39.90	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	19.46%	
BMP	47.10	GIẢM	TĂNG		49.50			48.30	46.42	-2.48%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	67.70	GIẢM	GIẢM		68.30				75.79		
BWE	24.80	TĂNG	GIẢM	25.10	23.62	-1.20%			25.84		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.19				9.98		
CII	22.85	GIẢM	TĂNG		24.14			24.45	22.23	-6.54%	
CMG	37.50	GIẢM	TĂNG		38.66			23.20	34.96	61.64%	
CMX	15.80	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	14.20	GIẢM	GIẢM		14.63			14.39	14.22	-1.15%	
CTD	62.80	GIẢM	GIẢM		66.35				77.14		
CTG	20.05	GIẢM	GIẢM		20.55				22.53		
CTR	39.40	GIẢM	N/A		43.60			-	N/A		
CVT	20.90	GIẢM	GIẢM		21.33				23.63		
DCM	6.61	GIẢM	GIẢM		6.86				7.38		
DGC	28.90	TĂNG	GIẢM	27.20	28.30	6.25%		29.70	28.91	-2.65%	MUA
DGW	23.55	GIẢM	GIẢM		24.40				26.39		
DHA	31.75	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-0.31%			32.52		
DHC	42.60	TĂNG	TĂNG	33.00	41.18	29.09%		37.70	35.20	13.00%	
DHG	95.50	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.25	GIẢM	GIẢM		13.67				14.81		
DPG	43.30	GIẢM	GIẢM		46.25				50.61		
DPM	13.10	GIẢM	GIẢM		13.47				14.59		
DPR	43.10	TĂNG	TĂNG	37.60	42.23	14.63%		41.30	36.94	4.36%	
DQC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.57				18.09		
DRC	23.55	TĂNG	TĂNG	23.30	21.96	1.07%		21.60	21.72	9.03%	
DXG	13.65	GIẢM	GIẢM		14.73				16.48		
EIB	16.70	GIẢM	TĂNG		17.76			18.40	16.46	-9.24%	
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.48		



We Create Fortune

FMC	26.65	GIẢM	TĂNG		27.31			31.60	26.18	-15.66%	
FPT	55.50	GIẢM	TĂNG		56.79			46.00	54.99	20.65%	
GAS	97.90	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	19.90	GIẢM	GIẢM		20.48				21.99		
GIL	18.40	GIẢM	GIẢM		19.29				21.26		
GMD	22.90	GIẢM	GIẢM		23.72				25.92		
GTN	22.60	TĂNG	TĂNG	21.70	20.71	4.15%		15.00	18.98	50.67%	
GVR	12.50	GIẢM	N/A		13.26				N/A		
HAG	3.90	TĂNG	GIẢM	3.86	3.62	1.04%			4.39		
HAX	18.20	TĂNG	GIẢM	18.60	16.74	-2.15%			21.20		
HBC	11.20	GIẢM	GIẢM		11.61				12.77		
HCM	22.80	GIẢM	TĂNG		24.54			23.40	22.58	-2.56%	
HDB	27.70	TĂNG	GIẢM	27.30	26.54	1.47%			29.49		
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		22.73			15.25	20.25	44.92%	
HDG	32.35	GIẢM	GIẢM		32.89			35.30	32.61	-7.62%	BÁN
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.94				16.01		
HPG	24.40	TĂNG	TĂNG	23.45	23.21	4.05%		23.85	23.82	2.31%	MUA
HSG	8.39	TĂNG	TĂNG	8.40	7.70	-0.12%		7.75	6.90	8.26%	
HT1	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.29	0.33%		16.90	13.91	-9.47%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM	34.95	34.46	-1.40%	BÁN		36.93		
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		15.36			15.35	14.00	-3.91%	
KDH	26.80	TĂNG	TĂNG	26.75	26.28	0.19%		24.00	24.58	11.67%	
KSB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.53				19.81		
LCG	8.46	TĂNG	GIẢM	8.54	8.04	-0.94%			9.32		
LDG	8.70	GIẢM	GIẢM		9.15				10.25		
LHG	15.10	GIẢM	GIẢM		15.71				16.89		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.75				8.13		
MBB	21.10	GIẢM	GIẢM		22.26			21.85	21.83	-0.10%	
MPC	20.20	TĂNG	GIẢM	20.10	18.15	0.50%			24.34		
MSN	56.60	GIẢM	GIẢM		65.36				77.05		
MSR	13.90	GIẢM	GIẢM		15.06				17.20		
MWG	111.00	GIẢM	GIẢM		113.12				122.63		
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		16.88			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.89	TĂNG	TĂNG	6.50	6.13	6.00%			6.45		
NLG	27.90	GIẢM	TĂNG		28.23			28.70	26.73	-2.79%	
NT2	22.50	GIẢM	GIẢM		23.02				24.40		
NTL	23.80	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVL	55.20	GIẢM	GIẢM		57.70				61.77		

We Create Fortune

OIL	9.20	GIẢM	GIẢM		9.61				10.77		
PAC	25.60	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-0.78%			27.90		
PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.60				20.95		
PDR	28.15	TĂNG	TĂNG	26.40	27.12	6.63%		29.00	25.01	-2.93%	
PHR	53.80	GIẢM	GIẢM		57.26				65.37		
PLX	55.60	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.80	TĂNG	TĂNG	82.80	82.79	0.00%	MUA	104.00	78.71	-20.38%	
POW	12.35	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		
PVT	16.50	GIẢM	TĂNG		17.34			18.30	16.28	-9.84%	
PPC	28.95	TĂNG	TĂNG	28.30	27.02	2.30%		28.40	28.36	1.94%	MUA
PTB	73.00	GIẢM	TĂNG		74.81			64.00	68.51	14.06%	
PVB	18.80	GIẢM	TĂNG		19.39			20.10	18.62	-6.47%	
PVD	14.65	GIẢM	GIẢM		15.68				17.52		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-6.02%			34.47		
PVS	17.00	GIẢM	GIẢM		17.79				19.84		
PXS	5.32	GIẢM	TĂNG		6.18			6.20	4.88	-14.19%	
QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.09			33.80	28.38	-12.72%	
REE	36.60	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	9.83%	
SAB	233.10	GIẢM	GIẢM		240.04				257.92		
SAM	8.05	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	7.58	8.78%	
SCR	6.18	TĂNG	TĂNG	6.10	5.97	1.31%		6.33	6.17	-2.37%	MUA
SHI	9.07	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	29.76%	
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		16.92				26.75		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.31				11.70		
SSI	19.20	GIẢM	GIẢM		20.10				22.00		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				11.05		
TCB	22.40	TĂNG	GIẢM	23.45	22.36	-4.48%			25.27		
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM		20.19				22.63		
TDH	10.00	TĂNG	GIẢM	10.25	9.92	-2.44%			11.11		
TLH	4.29	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.67%			4.43		
TNG	14.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-3.97%			16.69		
VCB	85.40	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	37.74%	
VCG	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.74%		19.20	25.35	41.67%	
VCS	79.00	GIẢM	GIẢM		80.64				95.51		
VGC	18.30	GIẢM	GIẢM		18.77				19.79		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.42				9.07		
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	78.40	77.42	1.66%			83.84		
VHM	91.50	GIẢM	TĂNG		94.81			90.20	89.66	1.44%	
VIB	16.70	GIẢM	TĂNG		17.46			17.70	16.56	-5.65%	



We Create Fortune

VIC	115.90	GIẢM	TĂNG		118.04			112.00	113.76	3.48%	
VIP	5.05	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	143.80	TĂNG	TĂNG	139.40	143.73	3.16%		124.50	137.02	15.50%	
VND	13.90	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.42%			14.88		
VNG	21.10	TĂNG	GIẢM	21.30	20.90	-0.94%			22.24		
VNM	118.20	GIẢM	GIẢM		121.35				132.20		
VPB	19.05	GIẢM	GIẢM		19.96				22.05		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.73%	
VRC	23.30	TĂNG	TĂNG	16.05	22.26	45.17%		17.30	18.86	34.68%	
VRE	34.90	TĂNG	TĂNG	35.20	33.62	-0.85%		35.05	32.08	-0.43%	
VSC	24.60	GIẢM	GIẢM		24.88				27.86		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.80	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-5.00%	
BID	39.90	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	19.46%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	67.70	GIẢM	GIẢM		68.30				75.79		
CTG	20.05	GIẢM	GIẢM		20.55				22.53		
FPT	55.50	GIẢM	TĂNG		56.79			40.23	54.99	37.97%	
GAS	97.90	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	19.90	GIẢM	GIẢM		20.48				21.99		
GVR	12.50	GIẢM	N/A		13.26				N/A		
HDB	27.70	TĂNG	GIẢM	27.30	26.54	1.47%			29.49		
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.94				16.01		
HPG	24.40	TĂNG	TĂNG	23.45	23.21	4.05%		23.85	23.82	2.31%	MUA
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM	34.95	34.46	-1.40%	BÁN		36.93		
KDH	26.80	TĂNG	TĂNG	26.75	26.28	0.19%		24.00	24.58	11.67%	
MBB	21.10	GIẢM	GIẢM		22.26			19.72	21.83	10.69%	
MSN	56.60	GIẢM	GIẢM		65.36				77.05		
MWG	111.00	GIẢM	GIẢM		113.12				122.63		
NVL	55.20	GIẢM	GIẢM		57.70				61.77		
OIL	9.20	GIẢM	GIẢM		9.61				10.77		
PLX	55.60	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.80	TĂNG	TĂNG	82.80	82.79	0.00%	MUA	77.07	78.71	7.43%	
POW	12.35	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.09			33.26	28.38	-11.30%	
REE	36.60	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	9.83%	
ROS	24.00	GIẢM	GIẢM		25.35				27.31		
SBT	18.60	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.29%	
SSI	19.20	GIẢM	GIẢM		20.10				22.00		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				11.05		
TCB	22.40	TĂNG	GIẢM	23.45	22.36	-4.48%			25.27		
TPB	21.20	GIẢM	GIẢM		21.99				23.94		
VCB	85.40	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	37.74%	
VCG	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.74%		18.44	25.35	47.50%	
VCS	79.00	GIẢM	GIẢM		80.64				95.51		
VEA	47.80	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	24.10	GIẢM	N/A		26.93				N/A		
VHM	91.50	GIẢM	TĂNG		94.81			89.13	89.66	2.66%	
VIB	16.70	GIẢM	TĂNG		17.46			15.00	16.56	11.30%	
VIC	115.90	GIẢM	TĂNG		118.04			112.00	113.76	3.48%	
VJC	143.80	TĂNG	TĂNG	139.40	143.73	3.16%		124.50	137.02	15.50%	
VNM	118.20	GIẢM	GIẢM		121.35				132.20		
VPB	19.05	GIẢM	GIẢM		19.96				22.05		
VRE	34.90	TĂNG	TĂNG	35.20	33.62	-0.85%		35.05	32.08	-0.43%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.90	GIẢM	GIẢM		14.51				15.73		
ANV	21.65	GIẢM	GIẢM		23.18				27.17		
ASM	6.35	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BMI	25.10	GIẢM	TĂNG		26.55			26.70	23.99	-5.99%	
BMP	47.10	GIẢM	TĂNG		49.50			48.30	46.42	-2.48%	
BWE	24.80	TĂNG	GIẢM	25.10	23.62	-1.20%			25.84		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.19				9.98		
CII	22.85	GIẢM	TĂNG		24.14			24.45	22.23	-6.54%	
CRE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.37				25.24		
CTI	22.00	GIẢM	GIẢM		23.02			25.05	22.66	-9.54%	BÁN
CTR	39.40	GIẢM	GIẢM		43.60				53.42		
D2D	75.50	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-9.15%	
DBD	59.90	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	54.97%	



We Create Fortune

DCM	6.61	GIẢM	GIẢM		6.86			7.38			
DGW	23.55	GIẢM	GIẢM		24.40			26.39			
DHC	42.60	TĂNG	TĂNG	33.00	41.18	29.09%		37.70	35.20	13.00%	
DIG	13.25	GIẢM	GIẢM		13.67			14.81			
DPG	43.30	GIẢM	GIẢM		46.25			50.61			
DPM	13.10	GIẢM	GIẢM		13.47			14.59			
DRC	23.55	TĂNG	TĂNG	23.30	21.96	1.07%		21.60	21.72	9.03%	
DXG	13.65	GIẢM	GIẢM		14.73			16.48			
E1VFN30	14.52	GIẢM	GIẢM		14.94			16.07			
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35			11.48			
FLC	4.53	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	-1.74%		4.63	4.02	-2.16%	
GEG	27.55	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-1.96%		12.50	25.77	120.36%	
GMD	22.90	GIẢM	GIẢM		23.72			25.92			
GTN	22.60	TĂNG	TĂNG	21.70	20.71	4.15%		15.00	18.98	50.67%	
HAG	3.90	TĂNG	GIẢM	3.86	3.62	1.04%		4.39			
HBC	11.20	GIẢM	GIẢM		11.61			12.77			
HCM	22.80	GIẢM	TĂNG		24.54			23.40	22.58	-2.56%	
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		22.73			15.25	20.25	44.92%	
HDG	32.35	GIẢM	GIẢM		32.89			35.30	32.61	-7.62%	BÁN
HPX	26.30	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.36%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.39	TĂNG	TĂNG	8.40	7.70	-0.12%		7.75	6.90	8.26%	
HT1	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.29	0.33%		16.90	13.91	-9.47%	
HTM	16.20	TĂNG	GIẢM	16.00	15.26	1.25%		18.47			
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.83			21.22			
IDI	5.07	GIẢM	GIẢM		5.33			6.09	5.22	-14.23%	BÁN
IJC	14.35	GIẢM	TĂNG		14.50			13.10	13.74	9.54%	
ITA	2.79	GIẢM	GIẢM		3.04			3.20	2.96	-7.50%	BÁN
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG		15.36			14.85	14.00	-0.65%	
KDC	19.00	GIẢM	TĂNG		20.01			21.90	18.08	-13.24%	
KOS	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.48%		26.30	25.20	6.46%	
KSB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.53			19.81			
LDG	8.70	GIẢM	GIẢM		9.15			10.25			
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.75			8.13			
MBG	32.20	GIẢM	GIẢM		39.12			54.51			
MBS	15.00	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	2.04%		15.75			
MPC	20.20	TĂNG	GIẢM	20.10	18.15	0.50%		24.34			
NBB	20.60	GIẢM	GIẢM		21.44			22.02			
NKG	6.89	TĂNG	TĂNG	6.50	6.13	6.00%		6.45			

We Create Fortune

NLG	27.90	GIẢM	TĂNG		28.23			26.28	26.73	6.16%	
NT2	22.50	GIẢM	GIẢM		23.02				24.40		
NTL	23.80	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVB	9.40	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	23.68%		8.50	8.20	10.59%	
OGC	3.75	TĂNG	GIẢM	3.75	3.49	0.00%			4.21		
PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.60				20.95		
PDR	28.15	TĂNG	TĂNG	26.40	27.12	6.63%		23.59	25.01	19.31%	
PHR	53.80	GIẢM	GIẢM		57.26				65.37		
PPC	28.95	TĂNG	TĂNG	28.30	27.02	2.30%		28.40	28.36	1.94%	MUA
PTB	73.00	GIẢM	TĂNG		74.81			60.78	68.51	20.11%	
PVD	14.65	GIẢM	GIẢM		15.68				17.52		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-6.02%			34.47		
PVS	17.00	GIẢM	GIẢM		17.79				19.84		
PVT	16.50	GIẢM	TĂNG		17.34			17.31	16.28	-4.65%	
QCG	4.23	GIẢM	GIẢM		4.38				4.93		
SCR	6.18	TĂNG	TĂNG	6.10	5.97	1.31%		6.33	6.17	-2.37%	MUA
SGP	7.20	GIẢM	GIẢM		8.20				10.24		
SHB	6.00	GIẢM	GIẢM		6.33				6.86		
SHS	7.60	GIẢM	TĂNG		8.12			8.40	7.36	-9.52%	
SZC	16.40	GIẢM	#N/A		17.48				#N/A		
TCH	27.50	TĂNG	TĂNG	23.30	27.39	18.03%		26.15	24.65	5.16%	
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM		20.19				22.63		
TDH	10.00	TĂNG	GIẢM	10.25	9.92	-2.44%			11.11		
TNG	14.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-3.97%			16.69		
TTB	5.74	GIẢM	GIẢM		6.49				12.25		
VGC	18.30	GIẢM	GIẢM		18.77				19.79		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.42				9.07		
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	78.40	77.42	1.66%			83.84		
VND	13.90	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.42%			14.88		
VNG	21.10	TĂNG	GIẢM	21.30	20.90	-0.94%			22.24		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.73%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.30	GIẢM	GIẢM		8.74				9.67		
AGR	3.50	GIẢM	GIẢM		3.75				4.47		

We Create Fortune

AMD	2.18	TĂNG	TĂNG	1.77	1.91	23.16%		1.70	1.47	28.24%	
APG	9.89	TĂNG	TĂNG	8.76	9.40	12.90%		9.90	8.56	-0.10%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%		2.30	2.25	-2.26%	MUA
BCG	8.30	GIẢM	TĂNG		8.80			6.39	7.47	29.89%	
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		5.83				7.17		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		11.72				18.20		
CCL	7.27	TĂNG	TĂNG	6.80	6.91	6.91%		7.88	5.58	-7.74%	
CVT	20.90	GIẢM	GIẢM		21.33				23.63		
DAH	9.75	TĂNG	GIẢM	9.99	9.51	-2.40%			11.27		
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	4.30	GIẢM	GIẢM		4.82				5.85		
DTD	10.40	GIẢM	GIẢM		11.54				14.04		
EVG	2.68	GIẢM	GIẢM		2.79				2.90		
FIT	6.90	TĂNG	TĂNG	4.49	5.78	53.67%		3.64	3.81	89.56%	
FTM	2.68	GIẢM	GIẢM		3.00				5.30		
FUES SV50	12.70	GIẢM	GIẢM		12.90				13.47		
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.91	1.33%			15.51		
HAH	12.10	GIẢM	GIẢM		12.89				14.24		
HAI	3.17	TĂNG	TĂNG	1.69	2.66	87.57%		1.88	1.86	68.62%	
HAR	3.98	TĂNG	TĂNG	4.08	3.76	-2.45%		3.90	3.28	2.05%	
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.08				11.96		
HHP	11.90	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-2.46%			13.46		
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.27			3.36	2.94	-8.93%	
HID	2.15	GIẢM	GIẢM		2.32			2.63	2.16	-17.91%	
HII	9.80	GIẢM	GIẢM		10.23				11.43		
HQC	0.99	GIẢM	GIẢM		1.04				1.15		
HSL	7.65	GIẢM	GIẢM		7.84				8.88		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	8.83	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	12.92%		3.90	6.52	126.41%	
HVH	17.25	GIẢM	GIẢM		18.10				20.24		
IDJ	7.20	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	0.00%	
JVC	4.33	TĂNG	GIẢM	4.35	4.20	-0.46%			4.75		
KLF	1.40	TĂNG	GIẢM	1.40	1.19	0.00%		1.50	1.48	-1.61%	MUA
LCG	8.46	TĂNG	GIẢM	8.54	8.04	-0.94%			9.32		
LGL	8.81	GIẢM	TĂNG		9.31			7.11	8.39	23.86%	
LHG	15.10	GIẢM	GIẢM		15.71				16.89		
LMH	11.60	GIẢM	#N/A		12.74				#N/A		
MST	5.10	TĂNG	TĂNG	3.80	4.79	34.21%		3.40	3.70	50.00%	



We Create Fortune

NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		16.88			13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.20	GIẢM	GIẢM		11.78			14.20	11.21	-21.03%	
PLP	9.94	GIẢM	GIẢM		10.28				11.59		
PVB	18.80	GIẢM	TĂNG		19.39			19.42	18.62	-3.18%	
PVC	7.10	GIẢM	TĂNG		7.45			6.70	6.66	5.97%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.34				1.50		
PXL	8.00	TĂNG	TĂNG	5.50	7.94	45.45%		6.70	6.33	19.40%	
SHI	9.07	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	57.32%	
SJF	2.23	GIẢM	GIẢM		2.35				2.79		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.19				2.73		
TDC	8.20	GIẢM	GIẢM		8.49				9.30		
TIG	7.10	TĂNG	TĂNG	6.20	6.29	14.52%		3.20	5.07	121.88%	
TLH	4.29	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.67%			4.43		
TNA	24.90	TĂNG	TĂNG	13.70	23.09	81.75%		11.45	19.35	117.45%	
TNI	10.90	TĂNG	TĂNG	10.20	10.55	6.86%		10.90	9.61	0.00%	
TSC	3.15	TĂNG	GIẢM	2.95	2.41	6.78%			3.53		
TTF	2.58	GIẢM	GIẢM		2.85				3.20		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.81				3.08		
TVC	16.50	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	-2.37%		14.30	14.38	15.38%	
VC3	16.80	GIẢM	TĂNG		17.49			22.00	16.32	-23.64%	
VCR	13.80	TĂNG	GIẢM	14.60	13.05	-5.48%			19.21		
VNA	3.70	GIẢM	GIẢM		3.96			4.70	3.92	-16.50%	<b>BÁN</b>
VNE	3.54	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	23.30	TĂNG	TĂNG	16.05	22.26	45.17%		17.30	18.86	34.68%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	960.3	-0.60%	HNI	102.04	-0.31%	UPCoM	55.36	-0.77%
VN30	873.16	-0.77%	HN30	179.13	-0.64%			
VN Mid	940.02	-0.57%	VNX AllSh	847.49	-0.65%			
VN Small	785.63	-0.36%						

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	514.61		Mua	2.41		Mua	33.65	
Bán	660.35		Bán	123.05		Bán	29.32	
GT ròng	-145.74		GT ròng	-120.64		GT ròng	4.33	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	450	6.98%	CSC	3000	10.00%	VAV	2900	6.16%
PGD	3200	6.71%	MBG	2400	8.05%	MPC	300	1.51%
NKG	390	6.00%	AMV	600	2.56%	HND	200	1.42%
HAI	100	3.26%	NVB	200	2.17%	NTC	400	0.24%
BVH	2000	3.04%	TIG	100	1.43%	SIP	100	0.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BFC	-900	-6.67%	NET	-5000	-9.71%	HTM	-900	-5.26%
MSN	-3900	-6.45%	PLC	-1200	-9.52%	VGI	-600	-2.43%
GDT	-1500	-4.66%	SHS	-200	-2.56%	CTR	-700	-1.75%
VNS	-500	-4.46%	SHB	-100	-1.64%	SDI	-1700	-1.52%
AST	-3600	-4.00%	PVI	-400	-1.27%	BSR	-100	-1.10%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	390,418		ACB	37,769		ACV	163,998	
VCB	316,738		VCS	12,640		VGI	73,529	
VHM	306,481		VCG	12,015		VEA	63,343	
VNM	205,831		PVS	8,125		MCH	51,662	
GAS	187,376		SHB	7,219		GVR	49,612	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	38,988,780	33,225,202	NVB	9,207,200	2,053,245	OIL	2,123,900	465,664
TCB	11,861,250	2,913,055	NET	2,179,648	180,538	BSR	1,708,479	2,022,449
DIG	10,429,740	1,220,009	MST	1,776,355	629,313	VAV	550,000	97,523
HPG	10,337,070	7,584,800	TTH	1,458,675	204,476	VIB	520,567	501,798
SCR	9,001,239	3,594,255	HUT	1,354,876	1,249,136	VGI	357,923	265,993

Nguồn: Bloomberg & YSVN

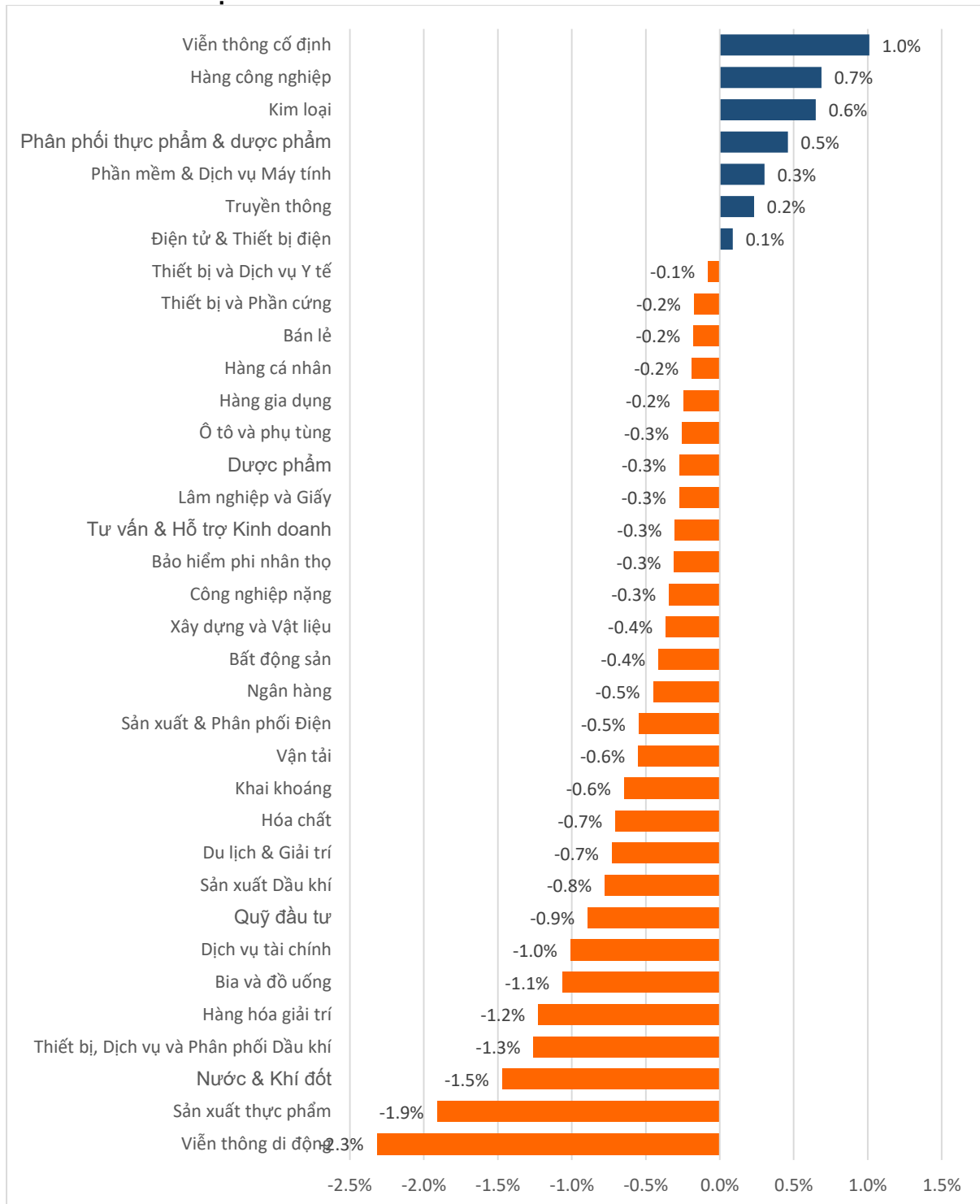
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



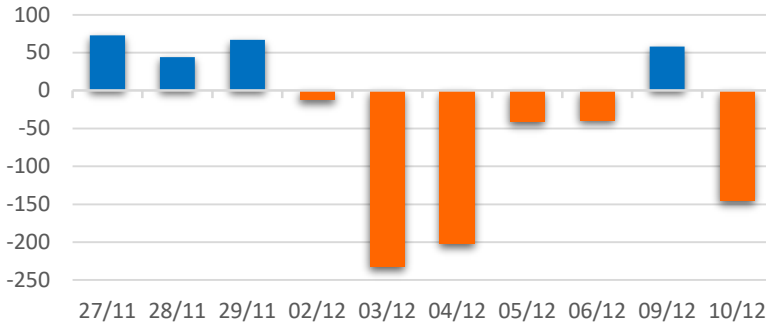
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

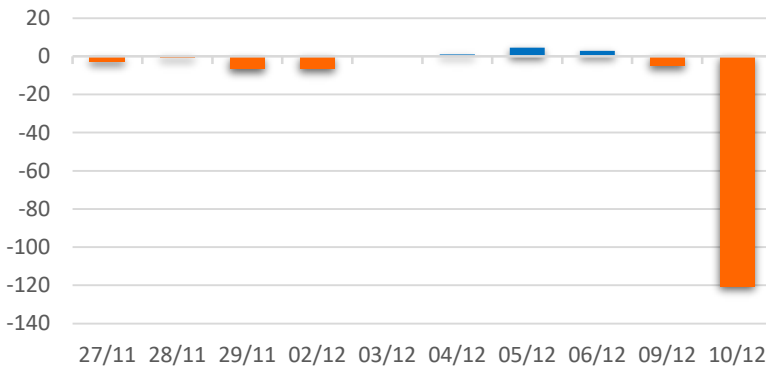
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	103,547	MSN	68,788
VNM	13,834	VHM	58,473
CTG	7,008	ROS	40,081
E1VFN30	6,501	VIC	27,168
HDG	6,024	PHR	11,917

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

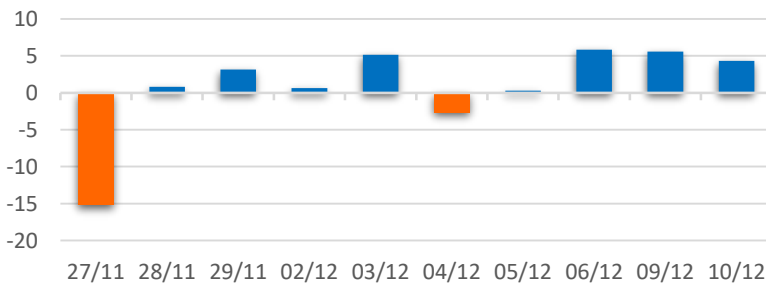
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	1,095	NET	118,064
PVI	252	PLC	3,823
VHL	153	CSC	944
NBC	136	NTP	107
MST	133	PVS	46

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



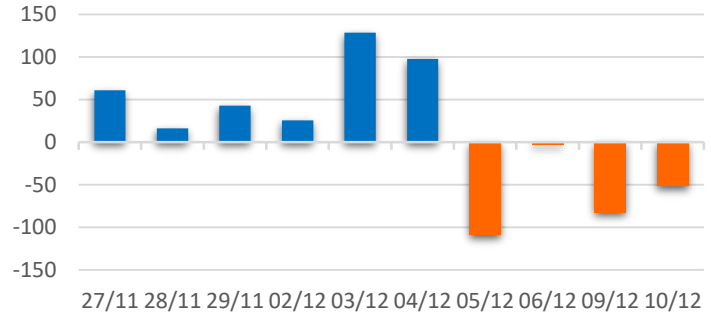
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

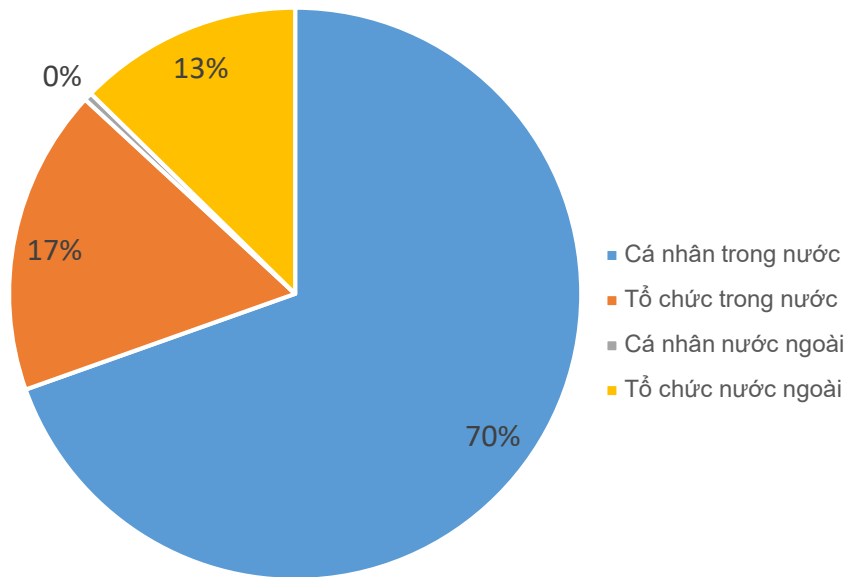
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MWG</b>	9,316	<b>HPG</b>	20,032
<b>MBB</b>	4,288	<b>MWG</b>	18,060
<b>VHM</b>	4,273	<b>MBB</b>	14,788
<b>TCB</b>	4,202	<b>FPT</b>	7,114
<b>VPB</b>	3,442	<b>E1VFN30</b>	6,669

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

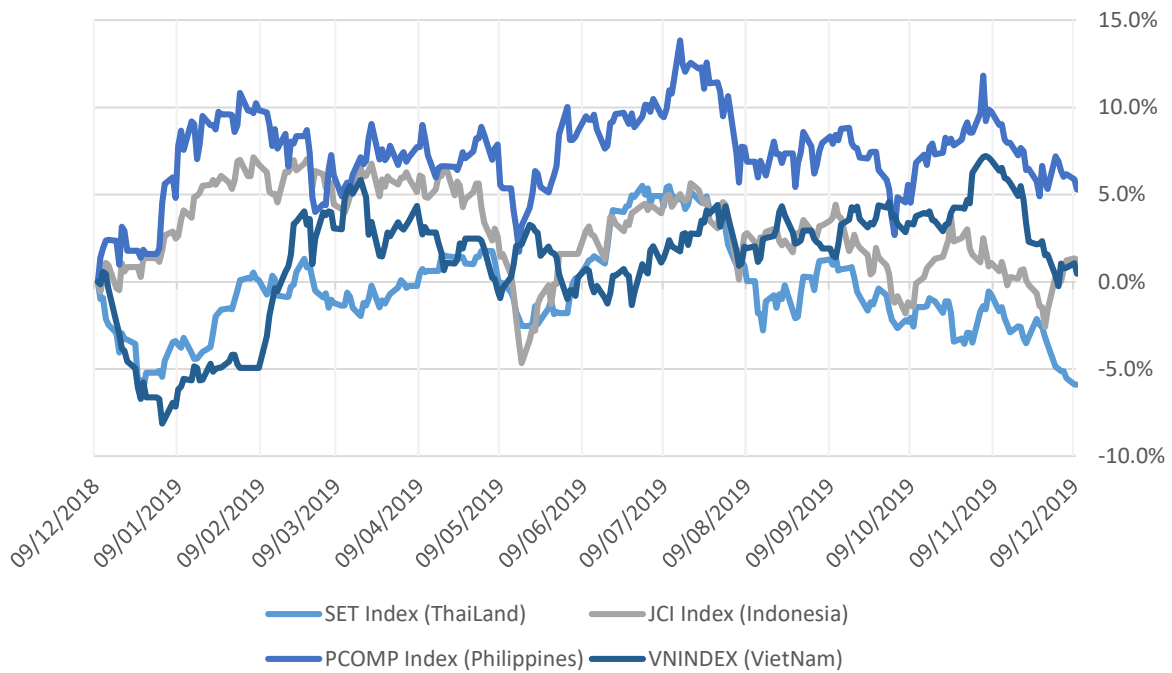


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

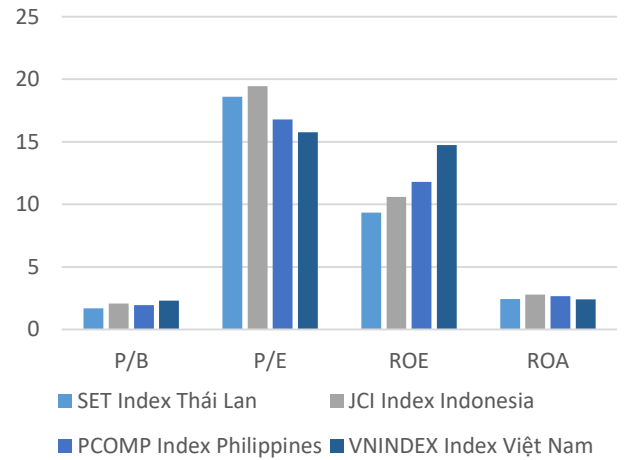
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.3x
P/E		18.6x	19.5x	16.8x	15.8x
ROE	%	9.33	10.59	11.79	14.74
ROA	%	2.43	2.78	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	539.80	510.79	191.46	142.31
GTGD	Triệu USD	1.08	0.35	0.08	0.13
LS cổ tức	%	3.24	2.44	1.61	2.00

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written